

Bản án số: 62/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 01 - 9- 2023

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản  
khi ly hôn, chia nghĩa vụ trả nợ chung.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NA HANG, TỈNH TUYÊN QUANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phan Anh Thành.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Đức Nhâm;

Ông Quan Văn Ngụ.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Thị Hồng Phúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Vương- Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 9 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai số hóa vụ án thụ lý số 32/2023/TLST-HNGĐ, ngày 04/5/2023 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn, chia nghĩa vụ trả nợ chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 03/8/2023 và thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 427/TB-TA ngày 22/8/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1976;

- Bị đơn: Chị **Hoàng Thị B**, sinh năm 1978;

Cùng địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

**1. Ngân hàng Chính sách Xã hội** Việt Nam, Phòng giao dịch huyện Na Hang chi nhánh tỉnh Tuyên Quang (Sau đây gọi là: Ngân hàng Chính sách);

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết Thắng – Chức vụ Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nông Ngọc Lâm – Chức vụ Giám đốc phòng giao dịch huyện Na Hang chi nhánh tỉnh Tuyên Quang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nông Ngọc Lâm: Bà Ma Thị Tư – Chức vụ Phó Giám đốc phòng giao dịch huyện Na Hang chi nhánh tỉnh Tuyên Quang.

Địa chỉ: Tổ dân phố 4, thị trấn Na Hang, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang

Có đơn xin xét xử vắng mặt.

**2. Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam**, Phòng Giao dịch Yên Hoa, Chi nhánh huyện Na Hang (Sau đây gọi là: Ngân hàng Nông nghiệp);

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn Thành – Chức vụ Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Cao Minh Tuấn – Chức vụ Giám đốc Chi nhánh Na Hang, tỉnh Tuyên Quang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Cao Minh Tuấn: Ông Vương Văn Trường – Chức vụ Trưởng phòng Kế hoạch – Kinh doanh.

Địa chỉ: Tổ dân phố 4, thị trấn Na Hang, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang

Có đơn xin xử vắng mặt.

**3. Ông Ma Văn T**, sinh năm 1970;

Cùng địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang.

Có đơn xin xử vắng mặt.

### NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, trình bày tại phiên hoà giải và tại phiên toà anh Nguyễn Văn H trình bày:

Anh và chị Hoàng Thị B quen biết nhau, tự do tìm hiểu, tự nguyện đi đến hôn nhân. Ngày 12/01/2005 anh và chị B đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện Na Hang. Anh và chị B sống với nhau hòa thuận, hạnh phúc đến đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do chị B đi làm công nhân ở thành phố Hải Phòng và có quan hệ ngoại tình. Anh đã tha thứ nhưng chị B không thay đổi. Vợ chồng anh đã sống ly thân từ đầu năm 2022. Tình cảm với chị B không còn, anh xin ly hôn.

Anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị H, sinh ngày 21/9/2005 và cháu Nguyễn Thu Huyền, sinh ngày 02/12/2015. Ly hôn, anh nhận nuôi cả 02 con, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Anh xác định chỉ có 10.000.000đ mua máy tính cho con là vay chung. Anh nhận trả  $\frac{1}{2}$  là 5.000.000đ.

Về nhà xây: Xây nhà từ năm 2018 trước khi anh đi làm ở Trung Quốc. Làm nhà hết 150.000.000đ, trong đó 100.000.000đ vay của Ngân hàng Nông Nghiệp. Năm 2019 anh đi làm ở Trung Quốc gửi về cho chị B 130.000.000đ. Anh bảo chị B trả nợ Ngân hàng nhưng chị B không trả. Anh xác định khoản nợ ngân hàng hiện tại là nợ riêng của chị B. Anh không biết chị B vay làm gì, anh không ủy quyền cho chị B vay.

Về khoản vay Ngân hàng: Chị B tự vay thì tự phải trả.

Chi phí thẩm định và định giá tài sản chị đã tạm ứng nộp, đã chi phí hết, chị nhận chịu.

Tại đơn khởi kiện (yêu cầu chia tài sản chung và chia nghĩa vụ trả nợ chung) bản tự khai, biên bản lấy lời khai, phiên hòa giải và tại phiên tòa chị Hoàng Thị B trình bày:

Về quen biết, đi đến hôn nhân và đăng ký kết hôn và ở chung như anh H trình bày là đúng. Vợ chồng chị sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2018 anh H đi làm ở Trung Quốc, Tết năm 2019 có về rồi đến năm 2020 lại đi. Đến tháng 10/2021 anh

Ba về thì lạnh nhạt với chị. Năm 2021 anh Ba đã làm đơn xin ly hôn nhưng sau đó lại rút đơn về. Vợ chồng chị đã sống ly thân từ đầu năm 2022. Anh H xin ly hôn chị đồng ý.

Vợ chồng chị có 02 con chung tên là cháu Nguyễn Thị H, sinh ngày 21/9/2005 và cháu Nguyễn Thu H1, sinh ngày 02/12/2015. Ly hôn cháu H đã lớn, cháu sẽ tiếp tục nhà tại N. Cháu H1 còn bé bố mẹ sẽ cùng nuôi.

Về tài sản chung:

Có 01 thửa ruộng, diện tích hơn 769m<sup>2</sup>, mua của ông La Văn Th (người ở thôn N), mua từ năm 2006, có GCN mang tên ông Th. Đầu năm 2021 chị bàn với anh H bán để lấy tiền trả nợ tiền lãi cho Ngân hàng. (Bán cho ông Ma Văn T – người cùng thôn được 15.000.000đ).

Có nhà – xây năm 2018; xe mô tô nhãn hiệu Honda, 01 bồn nước Inox 1.500 lít, 01 bộ điều hòa nhãn hiệu Funiki, 01 tủ lạnh Funiki, 01 máy giặt Panasinic, 01 máy lọc nước.

Chị đề nghị chia tài sản chung.

Về nợ chung: Vợ chồng chị có nợ chung.

Nợ của Ngân hàng Nông nghiệp số tiền 115.000.000đ. Khi đầu vay là 100.000.000đ – anh H đứng tên vay. Sau đó vay lại là 115.000.000đ. Vay 100.000.000đ từ khi làm nhà.

Vay Ngân hàng Chính sách các khoản:

Khoản vay 50.000.000đ – trong đó đứng tên để vay rồi cho chị Hoàng Thị Thơ (Là tổ trưởng tổ vay vốn) vay 25.000.000đ. Khoản vay này chị Thơ đã trả cho Ngân hàng 25.000.000đ.

Khoản 20.000.000đ chị đứng ra vay. Vay khi làm nhà để làm sân, mái che.

Khoản 10.000.000đ chị đứng ra vay. Vay để mua máy tính cho con học.

Về các khoản vay chị nhận trả 25.000.000đ trong số 50.000.000đ và nhận trả 5.000.000đ vay mua máy vi tính)

Chị đề nghị anh H trả các khoản: Khoản vay 115.000.000đ của Ngân hàng Nông nghiệp và khoản 20.000.000đ của Ngân hàng Chính sách.

Chị xác định giấy ủy quyền khi vay của Ngân hàng Chính sách không phải là chữ ký của anh H.

**Người đại diện Ngân hàng Chính sách trình bày:**

Hộ gia đình anh Nguyễn Văn H và chị Hoàng Thị B vay Ngân hàng Chính sách 03 khoản vay như sau:

Khoản 01: Vay chương trình Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, số tiền vay 20.000.000đ, mục đích xây bể nước, xây nhà vệ sinh. Khách hàng chưa trả gốc theo phân kỳ trả nợ. Tính đến ngày 31/8/2023 số tiền gốc khách hàng còn nợ là: 20.000.000đ, số tiền lãi là: 7.767.130đ, số tiền lãi còn nợ là 64.110đ (số tiền lãi từ ngày 18/8/2023 đến 31/8/2023).

Khoản 02: Vay chương trình Hộ Cận nghèo, số tiền vay 50.000.000đ, thời hạn vay 60 tháng, mục đích vay chăn nuôi trâu sinh sản. Tính đến ngày 31/8/2023 số tiền gốc còn nợ là: 25.000.000đ, số tiền lãi là 70.521đ (số tiền lãi từ ngày 18/8/2023 đến

31/8/2023).

Khoản 03: Vay chương trình Học sinh, sinh viên mua máy vi tính, thiết bị học trực tuyến, số tiền vay 10.000.000đ, thời hạn vay 36 tháng, mục đích vay Mua máy vi tính. Tính đến ngày 31/8/2023 số tiền gốc còn nợ là: 10.000.000đ, số tiền lãi là số tiền lãi còn nợ là 4.274đ (số tiền lãi từ ngày 18/8/2023 đến 31/8/2023).

Đề nghị Tòa án buộc anh H, chị B cùng có trách nhiệm trả cho Ngân hàng.

**Người đại diện Ngân hàng Nông nghiệp trình bày:**

Chị Hoàng Thị B vay Ngân hàng Nông nghiệp 115.000.000đ từ ngày 13/12/2021, mục đích vay nuôi trâu, thời hạn vay 60 tháng. Nay còn nợ 115.000.000đ tiền gốc, 8.437.534đ tiền lãi trong hạn và 4.165.205đ lãi quá hạn. Ngân hàng đề nghị chị B phải trả cả gốc và lãi cho Ngân hàng.

**Ông Ma Văn T trình bày:** Khoảng năm 2021 ông có nhận chuyển nhượng 01 thửa ruộng của anh Nguyễn Văn H, chị Hoàng Thị B. Thửa ruộng có diện tích khoảng 0,8 Bung (Một Bung là 769m<sup>2</sup>). Sau khi nhận chuyển nhượng đất ông đã cải tại đất, nhập với 01 thửa ruộng của ông đã có từ trước. Đến nay ông đã sử dụng ổn định, nhiều vụ. Ông biết ruộng ông nhận chuyển nhượng có giấy chứng nhận mang tên ông La Văn Ty. Khi mua của chị Bn thì chị B có giao cho ông giấy trước kia mua của anh La Văn Th, con ông Ty. Ông đề nghị Tòa án xác định quyền sử dụng đất ruộng nêu trên là của ông.

**Kết quả xác minh:**

Bà Lương Thị Linh – Trưởng thôn N cho biết: Bà biết anh Nguyễn Văn H và chị Hoàng Thị B kết hôn với nhau từ năm 2006. Sau khi kết hôn anh chị sống hòa thuận với nhau ở thôn N. Năm 2020 anh H đi làm ở Trung Quốc, Cuối năm 2021 anh H về không rõ vì sao mà phát sinh mâu thuẫn. Anh H, chị B đã sống ly thân, chị B đi làm công ty ở xa – không có ở địa phương.

Anh H, chị B có 02 con chung, cháu lớn sinh năm 2005, cháu bé sinh năm 2015. Các cháu đang ở với anh H.

Về tài sản chung, nợ chung bà không rõ.

**Kết quả thẩm định**

- Nhà xây cấp 4: Khung cứng, tường 110mm, gồm 04 gian đồ mái bằng, nền lát gạch, chưa sơn, xây năm 2018. Kích thước - Diện tích: 5,34m x 17m = 90,78m<sup>2</sup>

- Bán mái: Hai cạnh xây tường 110mm, cao 1,3m; khung sắt, mái lợp tôn xộp diện tích: 7,9m x 10m = 79m<sup>2</sup>, nền láng xi măng cát 03cm.

- Tivi nhãn hiệu ASAZO, 32 Inch. Mua năm 2017 (các đương sự xác định đã hỏng).

- Xe mô tô hãng Honda, hiệu WAVES, Biển kiểm soát 22N1-031.54, mua năm 2014;

- Tủ lạnh (Tủ bảo ôn) hiệu Darling, mua năm 2015;

- Bộ điều hòa nhiệt độ hiệu ASAZO, công suất 9.000 BTU, mua năm 2019;

- Máy giặt hiệu PANASONIC, loại 08 kg, mua năm 2019;

- Máy lọc nước hiệu iclean, mua năm 2011;

- Bồn chứa nước inox nhãn hiệu SONA, 1500 lít, Mua năm 2019;

**Định giá:**

- Trị giá nhà:  $3.467.900đ/1m^2 \times 90,78m^2 = 314.815.962đ$ ;
- Trị giá Bán mái:  $500.000đ/1m^2 \times 79m^2 = 39.500.000đ$ ;
- Máy lọc nước Trị giá:  $2.800.000đ \times 30\% = 840.000đ$ ;
- Tủ bảo ôn:  $5.500.000đ \times 30\% = 1.650.000đ$ ;
- Xe mô tô:  $18.750.000đ \times 30\% = 5.625.000đ$ ;
- Bộ điều hòa nhiệt độ:  $7.250.000đ \times 40\% = 2.900.000đ$ ;
- Máy giặt:  $7.150.000đ \times 40\% = 2.860.000đ$ ;
- Bồn chứa nước inox:  $3.250.000đ \times 64\% = 2.080.000đ$ .

**Tổng giá trị các tài sản định giá là: 370.270.962 đồng.**

**Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Hang phát biểu ý kiến:**

- Về tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng quy định của Điều 28, 48 Bộ luật Tố tụng Dân sự (BLTTDS), xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách của người tham gia tố tụng; tiến hành tổng đạt các văn bản cho đương sự, gửi cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định. Các đương sự chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Điều 70, 71, 72 và 73 BLTTDS. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục được quy định tại chương XIV của BLTTDS.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 27, 33, 37, 38, 39, 51, 55, 57, 59, 60, 61, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 28, 35, 39, 157, 158, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn H và chị Hoàng Thị B.

Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các con chung là cháu Nguyễn Thị H, sinh ngày 21/9/2005 và cháu Nguyễn Thu H1, sinh ngày 02/12/2015. Chị Hoàng Thị B không phải cấp dưỡng nuôi con chung và được quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung.

Về tài sản chung: Chia tài sản chung của anh H, chị B là giá trị các tài sản đã định giá. Các tài sản là bất động sản không thể phân chia; Các tài sản là đồ dùng vật dụng gia đình, xe mô tô đăng ký tên anh H. Do đó chia tài sản chung là hiện vật cho anh H, anh H phải trả cho chị B  $\frac{1}{2}$  giá trị.

Về nợ chung:

Chị Hoàng Thị B phải trả 115.000.000đ của Ngân hàng Nông nghiệp và lãi kèm theo; Phải trả 50.000.000đ của Ngân hàng chính sách và lãi kèm theo.

Anh Nguyễn Văn H phải trả 5.000.000đ của Ngân hàng chính sách.

Về án phí: Chị Hoàng Thị B và anh Nguyễn Văn H đều là người thuộc diện hộ cận nghèo, có đơn xin miễn án phí nên đều được miễn án phí

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản chị B nộp tạm ứng và chi phí hết 700.000đ, anh H phải trả cho chị B  $\frac{1}{2}$ .

Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Anh Nguyễn Văn H giao nộp các tài liệu: 01 Giấy chứng nhận kết hôn bản chính; Bản sao sổ hộ khẩu; Bản phô tô chứng minh thư của anh H và chị B; 02 Bản sao giấy khai sinh của các con; Bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Sau đây viết tắt là GCN)

Tài liệu chị Hoàng Thị B giao nộp: 01 sổ vay vốn của ngân hàng chính sách xã hội;

Ngân hàng Chính sách đã nộp: Hồ sơ vay vốn gồm Giấy ủy quyền (của các thành viên gia đình ngày 05/4/2019); Giấy đề nghị vay vốn; Sổ vay vốn và Sổ lưu theo dõi cho vay, thu nợ (20.000.000đ vay ngày 26/4/2019, 50.000.000đ vay ngày 18/6/2020, 10.000.000đ vay ngày 18/11/2022).

Ngân hàng Nông nghiệp đã nộp: Hồ sơ vay vốn gồm: Hợp đồng tín dụng số 8105 LAV 2019 02994 ngày 30/10/2019; chứng từ giao dịch; Báo cáo đề xuất giải ngân kèm giấy nhận nợ ngày 30/10/2019; Báo cáo đề xuất giải ngân kèm giấy nhận nợ ngày 13/12/2021.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tiến hành lấy lời khai của các đương sự; tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; tiến hành xác minh với Trưởng thôn N, xác minh với ông La Văn Th, ông Ma Văn T; Thu thập hồ sơ cấp GCN của anh H, chị B; bản phô tô GCN đất rừng của anh H, chị B.

Anh H, chị B thống nhất ly hôn, thống nhất về nuôi con, thống nhất nợ 10.000.000đ của Ngân hàng chính sách là nợ chung, thống nhất anh H không ký giấy ủy quyền cho chị B vay ở Ngân hàng chính sách.

Anh H, chị B không thống nhất về nuôi con; không thống nhất chia tài sản chung; Không thống nhất khoản vay Ngân hàng nông nghiệp khoản 25.000.000đ và khoản vay 20.000.000đ của Ngân hàng Chính sách là vay chung.

Anh Nguyễn Văn H rút yêu cầu chị B chuộc lại ruộng đã chuyển nhượng cho ông Ma Văn T.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Tòa án nhận định:

**[1]** Chị Hoàng Thị B cư trú tại xã N, huyện Na Hang. Anh Nguyễn Văn Hoàn có đơn khởi kiện ly hôn, giao nuôi con chung, chia tài sản khi ly hôn và chia nghĩa vụ trả nợ chung. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang theo quy định của các Điều 28, 35 và Điều 39 BLTTDS.

**[2]** Toà án thông báo phiên hòa giải để tiến hành hòa giải tranh chấp hôn nhân. Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử. Ông Ma Văn T, đại diện các ngân hàng có đơn xin xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 BLTTDS Toà án xét xử vụ án.

**[3]** Hôn nhân của anh Nguyễn Văn H và chị Hoàng Thị B trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền do đó hôn nhân là hợp pháp. Cuộc sống chung chị B, anh H phát sinh mâu thuẫn từ lâu. Chị B, anh H đã sống ly thân từ tháng đầu năm 2022. Xét mâu thuẫn của chị B, anh H đã trầm trọng, cuộc sống chung đã không tồn tại. Anh H, chị B thuận tình ly hôn, do đó căn cứ Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình công nhận sự thuận tình ly hôn giữa Hoàng Thị B và anh Nguyễn Văn H.

**[4] Con chung:** Chị Hoàng Thị B và anh Nguyễn Văn H có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị H, sinh ngày 21/9/2005 và cháu Nguyễn Thu H1, sinh ngày 02/12/2015. Cháu H, cháu H1 đang ở cùng bố. Cháu H1 đang đi học tiểu học tại xã N. Cháu H1 có ý kiến muốn ở với bố. Cháu H khi chuẩn bị xét xử đang đi làm xa nên không lấy ý kiến được của cháu. Do chị B đi làm xa nên chỗ ở không ổn định, không đảm bảo về chỗ ở để chăm sóc, nuôi dưỡng con do đó căn cứ các Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình giao cho anh Nguyễn Văn H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các con chung. Chị Hoàng Thị B không phải cấp dưỡng nuôi con chung và được quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

**[5] Về tài sản chung.**

Xác định các tài sản là tài sản chung và chia:

Anh Nguyễn Văn H và chị Hoàng Thị B kết hôn từ năm 2006 và có các tài sản chung mà chị B đề nghị chia là:

Nhà, công trình phụ trợ và các tài sản là động sản đã được thẩm định, định giá. Do các tài sản là bao gồm công trình và tài sản đang lắp đặt, để tại nhà, xe mô tô đăng ký mang tên anh H; Chị B thường xuyên đi làm ăn xa, đang ở thuê gần nơi làm việc. Vì vậy chia tài sản cho anh H được quyền sở hữu toàn bộ. Anh H phải trả cho chị B  $\frac{1}{2}$  giá trị công trình là có căn cứ, phù hợp.

Tổng giá trị tài sản đề nghị chia là 370.270.962đ.

Trị giá mỗi người được hưởng là 185.135.481đ (Làm tròn số là 185.135.500đ).

Anh H phải trả chị B 185.135.500 đ.

**[6] Về nợ chung:**

Khoản nợ 115.000.000đ của Ngân hàng Nông nghiệp, cá nhân chị Hoàng Thị B vay mà không có ủy quyền của anh Nguyễn Văn H. Theo hợp đồng vay thì mục đích là mua trâu nhưng không mua trâu. Anh H không nhất trí là nợ chung, chị B không chứng minh được là vay về để sử dụng vào mục đích chung của gia đình. Chị B đã vi phạm về mục đích sử dụng vốn vay, vi phạm thời hạn trả nợ gốc và lãi. Ngân hàng Nông nghiệp yêu cầu và chị B trả nợ là có căn cứ. Do đó, theo quy định của Điều 466 Bộ luật Dân sự và Điều 95 Luật các Tổ chức Tín dụng, chị B phải trả tiền gốc 115.000.000đ, tiền lãi đến ngày 01/9/2023 là 12.602.739đ (Trong đó 8.437.534 đ lãi trong hạn và 4.165.205đ lãi quá hạn) và tiền lãi phát sinh đến khi trả hết nợ.

Khoản vay 25.000.000đ (Trong số 50.000.000đ), khoản vay 20.000.000 đ và vay 10.000.000đ của Ngân hàng chính sách chị B đứng ra vay nhưng không có ủy quyền của anh H nhưng anh H nhất trí khoản 10.000.000đ là khoản vay chung. Ngân hàng chính sách đề nghị anh H cùng có trách nhiệm trả nợ tất cả các khoản nợ là không có căn cứ có căn cứ.

Chị B và anh H vi phạm thời hạn trả nợ gốc theo phân kỳ và lãi. Do đó theo quy định của Điều 466 Bộ luật Dân sự và Điều 95 Luật các Tổ chức Tín dụng, buộc chị B trả cho Ngân hàng chính sách 25.000.000đ + 20.000.000đ + 5.000.000đ tiền gốc, tiền lãi đến ngày 31/8/2023 là 136.768đ và tiền lãi phát sinh kèm theo; Anh Nguyễn Văn H, trả cho Ngân hàng chính sách 5.000.000đ tiền gốc, tiền lãi đến ngày 31/8/2023 là 2.237đ và tiền lãi phát sinh kèm theo cho đến khi trả hết nợ.

**[7]** Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản chị B nộp tại ứng và chi phí hết 700.000đ. Do đó anh H phải trả chị B  $\frac{1}{2}$  là 350.000đ.

**[8]** Về án phí: Chị Hoàng Thị B, anh Nguyễn Văn H là người trong hộ gia đình thuộc diện hộ cận nghèo, có đơn xin miễn án phí nên đều được miễn án phí.

**[9]** Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, 35, 39, 147, 157, 158, 228, 235, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Các các Điều 27, 33, 37, 45, 55, 59, 60, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Các Điều 357, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 95 Luật các Tổ chức Tín dụng.

Điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” của anh Nguyễn Văn H; Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện về việc “Chia tài khi ly hôn, chia nghĩa vụ trả nợ chung” của chị Hoàng Thị B.

Tuyên xử:

**1.** Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Hoàng Thị B và anh Nguyễn Văn H.

**2.** Con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các con chung là cháu Nguyễn Thị H, sinh ngày 21/9/2005 và cháu Nguyễn Thu H1, sinh ngày 02/12/2015. Chị Hoàng Thị B không phải cấp dưỡng nuôi con chung và được quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

**3.** Chia tài sản chung:

**3.1.** Chia cho anh Nguyễn Văn H được sở hữu các tài sản:

- Nhà xây cấp 4 tại thôn N, xã N, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang: Nhà xây khung cứng, tường 110mm, gồm 04 gian đồ mái bằng, nền lát gạch, chưa sơn, xây năm 2018. Kích thước - Diện tích: 5,34m x 17m = 90,78m<sup>2</sup>;

- Bán mái: Hai cạnh xây tường 110mm, cao 1,3m; khung sắt, mái lợp tôn xốp diện tích: 7,9m x 10m = 79m<sup>2</sup>, nền lán xi măng cát 03cm;

- Xe mô tô hãng Honda, hiệu WAVES, Biển kiểm soát 22N1-031.54, đăng ký mang tên Nguyễn Văn H;

- Tủ lạnh (Tủ bảo ôn) hiệu Darling;

- Bộ điều hòa nhiệt độ hiệu ASAZO, công suất 9.000 BTU;

- Máy giặt hiệu PANASONIC, loại 08 kg;

- Máy lọc nước hiệu Iclean;

- Bồn chứa nước inox nhãn hiệu SONA, 1.500 lít;

(Tổng trị giá tài sản là 370.270.962đ; Các công trình đều được xây dựng tại thôn N, xã N; Các tài sản đều đang do anh H quản lý).

**3.2** Chị Hoàng Thị B được hưởng tiền giá trị tài sản chung do Nguyễn Văn H trả:

Anh Nguyễn Văn H phải trả chị Hoàng Thị B 185.135.500đ (Một trăm tám mươi lăm triệu một trăm ba mươi lăm nghìn năm trăm đồng).

**4. Về chi phí tố tụng:**

Anh Nguyễn Văn H phải trả cho chị Hoàng Thị B 350.000đ (Ba trăm năm mươi nghìn đồng).

*Khoản tiền anh Nguyễn Văn H phải trả chị Hoàng Thị Ba, khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.*

**5. Về nợ:**

Chị Hoàng Thị B phải trả Ngân hàng Nông nghiệp 115.000.000đ (Một trăm mười lăm triệu đồng) tiền nợ gốc, 12.602.739đ (Mười hai triệu sáu trăm linh hai nghìn bảy trăm ba mươi chín đồng) tiền lãi (Trong đó đó 8.437.534 đ lãi trong hạn và 4.165.205đ lãi quá hạn) và tiền lãi phát sinh kèm theo cho đến khi trả hết nợ.

*Khoản tiền lãi phát sinh tính theo lãi suất Hợp đồng tín dụng số 8105 LAV 2019 02994 ngày 30/10/2019 và Báo cáo đề xuất giải ngân kiêm giấy nhận nợ ngày 13/12/2021.*

Chị Hoàng Thị B phải trả Ngân hàng Chính sách 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) tiền nợ gốc, 136.768đ (Một trăm ba sáu nghìn đồng bảy trăm sáu mươi tám đồng) tiền lãi và tiền lãi phát sinh kèm theo cho đến khi trả hết nợ.

Anh Nguyễn Văn H, trả cho Ngân hàng chính sách 5.000.000đ tiền gốc, tiền lãi đến ngày 31/8/2023 là 2.237đ và tiền lãi phát sinh kèm theo cho đến khi trả hết nợ.

*Khoản tiền lãi phát sinh tính theo lãi suất theo Sổ vay vốn có mã khách hàng 7082010341; Sổ lưu theo dõi cho vay, thu nợ có mã món vay 6600000718189048, và 6600000714804952 và 6600000724389993.*

**6. Về án phí:**

Chị Hoàng Thị B, anh Nguyễn Văn H được miễn án phí.

Ngân hàng Nông nghiệp và Ngân hàng Chính sách không phải chịu án phí.

**7. Về quyền kháng cáo:** Chị Hoàng Thị B, anh Nguyễn Văn H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Ma Văn T, Ngân hàng Nông nghiệp và Ngân hàng Chính sách có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân*

*sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự” ./.*

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Quan Văn Ngụ      Nguyễn Đức Nhâm**

**Phan Anh Thành**

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện Na Hang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- TAND tỉnh Tuyên Quang
- UBND xã N
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phan Anh Thành**



